

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN GCL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CBTT-KDM

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL**
- Mã chứng khoán: **KDM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Website: gclgroup.vn Email: info@gclgroup.vn
- Điện thoại: 024 665 23182
- Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Nam Giang**
- Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL vào ngày 23/02/2024 tại địa chỉ: www.gclgroup.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Phan Nam Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Long Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700324666 đăng ký lần đầu ngày 01/6/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Ngày 20/7/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10, đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam. Ngày 25/8/2020, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17. Ngày 17/3/2021, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát triển Khu đô thị Dân cư mới theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19. Ngày 13/7/2022, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22. Ngày 24/10/2023, Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Thương mại và kinh doanh xây lắp, kinh doanh bất động sản.

Tên viết tắt: Tập đoàn GCL.

Mã chứng khoán: KDM.

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Công Thức	Chủ tịch HĐQT
Ông Chu Văn Dũng	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 26/4/2023)
Ông Phan Thanh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lê Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Trương Văn Mạnh	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT
Ông Giang Thành Trung	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Phan Nam Giang	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/4/2023)

Ủy Ban Kiểm toán

Ông Giang Thành Trung	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 21/8/2023)
Ông Phan Nam Giang	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21/8/2023)
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/4/2023)
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 21/8/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phan Nam Giang	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 21/8/2023)
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Tổng Giám đốc (từ ngày 08/5/2023 đến ngày 21/8/2023)
Ông Lê Tùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/5/2023)
Ông Chu Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Khánh Hòa	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Phan Nam Giang	Tổng Giám đốc (từ ngày 15/9/2023)
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/6/2023 đến ngày 15/9/2023)
Ông Lê Tùng	Tổng Giám đốc (đến ngày 16/6/2023)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Đặng Công Thức
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2024

Số: A0623244-R/MOORE AISC-DN5**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL** tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



.....
Nguyễn Văn Tuyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0111-2023-005-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2024



.....
Đỗ Thị Hằng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4226-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.469.864.115	68.881.570.100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	192.337.031	8.298.903.495
1. Tiền	111		192.337.031	8.298.903.495
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.542.974.062	1.596.450.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.048.023.116	2.056.458.902
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(505.049.054)	(460.008.902)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.995.022.296	46.382.672.875
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.488.522.715	5.467.362.144
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.999.000.000	182.756.356
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	16.100.000.000	14.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	32.407.499.581	25.932.554.375
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	4.489.186.114	11.573.771.816
1. Hàng tồn kho	141		4.489.186.114	11.573.771.816
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		250.344.612	1.029.771.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	91.000.000	2.100.685
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.344.612	1.027.671.229
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.105.402.085	11.075.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.035.000.000	11.075.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.035.000.000	11.075.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	-	-
- Nguyên giá	222		-	5.341.270.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(5.341.270.908)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
- Nguyên giá	225		-	1.132.627.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(1.132.627.272)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.402.085	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	70.402.085	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		78.575.266.200	79.956.570.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.575.038.928	5.572.896.423
I. Nợ ngắn hạn	310		2.575.038.928	5.572.896.423
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	363.400.789	4.095.374.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	474.649.497	204.934.615
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	629.184.138
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.736.988.642	643.402.799
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.000.227.272	74.383.673.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	76.000.227.272	74.383.673.677
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.000.000.000	71.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.000.000.000	71.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.000.227.272	3.383.673.677
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.383.673.677	6.640.835.037
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.616.553.595	(3.257.161.360)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78.575.266.200	79.956.570.100



Đặng Thị Minh Thúy
Người lập biểu

TP. Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2024



Lê Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng



Phan Nam Giang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	74.681.632.847	43.966.214.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	74.681.632.847	43.966.214.409
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	72.644.299.197	42.425.321.033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.037.333.650	1.540.893.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.830.353.816	1.559.629.825
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	390.363.448	5.077.767.654
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		95.916.849	97.328.690
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	17.834.350	18.081.819
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	1.332.036.918	1.189.886.390
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ) (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		2.127.452.750	(3.185.212.662)
11. Thu nhập khác	31		200.821.551	235.342.267
12. Chi phí khác	32		153.782.117	307.290.965
13. Lợi nhuận khác / (lỗ) (40 = 31 - 32)	40		47.039.434	(71.948.698)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ) (50 = 30 + 40)	50		2.174.492.184	(3.257.161.360)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	557.938.589	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ) (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.616.553.595	(3.257.161.360)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	228	(459)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	228	(459)

Đặng Thị Minh Thúy
Người lập biểu

TP. Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2024

Lê Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng



Phan Nam Giang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		82.747.800.750	50.645.514.802
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(89.906.379.056)	(59.493.588.976)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(807.108.600)	(640.869.550)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(95.916.849)	(97.328.690)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.10	(283.723.707)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.851.497.375	78.774.404.648
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(33.366.212.627)	(81.500.716.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.860.042.714)	(12.312.583.914)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	154.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.300.000.000)	(22.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	38.356.247.520
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.000.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.959.890.407	1.293.335.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		659.890.407	17.804.128.346
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		13.001.758.524	16.152.844.035
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.908.172.681)	(15.509.441.236)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.093.585.843	643.402.799

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(8.106.566.464)	6.134.947.231
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.298.903.495	2.163.956.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>192.337.031</u>	<u>8.298.903.495</u>

Đặng Thị Minh Thúy
Người lập biểu

TP. Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2024

Lê Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Long Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700324666 đăng ký lần đầu ngày 01/6/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Ngày 20/7/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10, đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam. Ngày 25/8/2020, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17. Ngày 17/3/2021, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát triển Khu đô thị Dân cư mới theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19. Ngày 13/7/2022, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22. Ngày 24/10/2023, Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26.

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa NO2, Gold Season, số 47, đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và kinh doanh xây lắp, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 07 nhân viên).****7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm tài chính tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

5.3 Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>05 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>06 năm</i>
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>04 năm</i>

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (tiếp theo)

Các khoản vốn (bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ) góp vào BCC được ghi nhận và phản ánh trong Báo cáo tài chính là tài sản góp vốn liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản nhận về và giá trị khoản vốn góp (nếu có) được phản ánh là thu nhập khác hoặc chi phí khác.

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước thuê văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2023.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi, cho vay.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, phải thu khách hàng, các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

18. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền		
Tiền mặt	175.894.623	299.266.623
Tiền gửi ngân hàng	16.442.408	7.999.636.872
Cộng	192.337.031	8.298.903.495

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem thuyết minh trang 29.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thép 998 (Bên liên quan - Thuyết minh IX.3)	-	-	522.201.920	-
Công ty TNHH Một thành viên Quang Bộ	1.102.113.100	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Cơ khí Quốc Việt 298	1.350.672.705	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Sông Thao Sơn La	2.306.076.410	-	-	-
Các khách hàng khác	6.729.660.500	-	4.945.160.224	-
Cộng	11.488.522.715	-	5.467.362.144	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Đức Thắng HD	5.870.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	129.000.000	-	182.756.356	-
Cộng	5.999.000.000	-	182.756.356	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	32.407.499.581	-	25.932.554.375	-
Phải thu lãi cho vay (Bên liên quan - Thuyết minh IX.3)	-	-	126.027.397	-
Phải thu lãi cho vay (Cá nhân)	-	-	247.013.698	-
Tạm ứng	3.584.159.581	-	5.559.513.280	-
Phải thu khác	20.055.500.000	-	20.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC (Bên liên quan - Thuyết minh IX.3) (1)</i>	<i>20.055.500.000</i>	-	<i>20.000.000.000</i>	-
Ký quỹ, ký cược (Bên liên quan - Thuyết minh IX.3) (2)	8.767.840.000	-	-	-
b. Dài hạn	5.035.000.000	-	11.075.000.000	-
Ký quỹ, ký cược (3)	5.035.000.000	-	11.075.000.000	-
<i>Ký quỹ, ký cược (Bên liên quan - Thuyết minh IX.3)</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	<i>5.075.000.000</i>	-
Cộng	37.442.499.581	-	37.007.554.375	-

(1) Trong đó, chủ yếu là khoản tiền hợp tác (20.000.000.000 VND) tài trợ lập quy hoạch dự án Khu đô thị mới phía nam thị trấn Bình Gia, Khu dân cư đô thị phường Thiện An, Khu thương mại và dân cư phường Đạt Hiếu, An Bình và Khu dân cư 27 ha tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc theo hợp đồng số 01/HTKD/KDM-MCC ngày 22/6/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (GCL) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC (MCC). Theo đó, MCC là chủ đầu tư dự án, GCL là bên tài trợ quy hoạch dự án. Các bên cùng thống nhất giá trị hợp tác tài trợ quy hoạch dự án trong đó GCL góp là 20.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-HĐQT-KDM ngày 24/01/2024 đã thông qua việc dừng hợp tác kinh doanh với MCC và dự kiến thu hồi khoản tiền này nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý I và quý II năm 2024.

(2) Đây là khoản tiền đặt cọc cho ông Chu Văn Dũng theo hợp đồng đặt cọc cổ phần số 01/2023/HĐĐC/GCL-CVD ký ngày 12/6/2023 về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thép 998 với tổng giá trị đặt cọc là 10 tỷ đồng, thời hạn đặt cọc là từ ngày 12/6/2023 đến trước ngày 12/6/2024. Số dư tại ngày 31/12/2023 là 8.767.840.000 VND.

(3) Khoản tiền đặt cọc mượn kho với Công ty TNHH MTV Chu Văn Tứ theo hợp đồng mượn kho ký ngày 10/10/2022 với tổng giá trị đặt cọc là 5.000.000.000 VND.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Ông Đỗ Hoàng Thông (1)	4.800.000.000	4.800.000.000
Ông Phan Thanh Hùng (bên liên quan - Thuyết minh IX.3) (2)	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Phạm Văn Quân (3)	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Đặng Trung Hiếu (4)	1.300.000.000	-
Cộng	16.100.000.000	14.800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn (tiếp theo)

(1) Khoản cho ông Đỗ Hoàng Thông vay theo hợp đồng vay tiền số 02/2022/HĐVV- KDM ngày 25/6/2022 và phụ lục số 01 ngày 01/6/2023, thời hạn vay đến 30/6/2024, lãi suất 10%/năm, tài sản đảm bảo: 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư GCL. Số tiền cho vay tại ngày 31/12/2023 là 4.800.000.000 VND.

(2) Khoản cho ông Phan Thanh Hùng vay theo hợp đồng vay tiền số 03/2022/HĐVV- KDM ngày 16/6/2022 và phụ lục số 01 ngày 01/6/2023, thời hạn vay đến 30/6/2024, lãi suất 10%/năm, tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất của ông Phan Thanh Hùng tại số nhà 9B, ngõ 9, phố Yên Phúc, tổ dân phố 4, phường Phúc La, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Số tiền cho vay tại ngày 31/12/2023 là 5.000.000.000 VND.

(3) Khoản cho ông Phạm Văn Quân vay theo hợp đồng vay tiền số 01/2022/HĐVV- KDM ngày 25/6/2022 và phụ lục số 01 ngày 01/6/2023, thời hạn vay đến 30/6/2024, lãi suất 10%/năm, tài sản đảm bảo: 150.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư GCL. Số tiền cho vay tại ngày 31/12/2023 là 5.000.000.000 VND.

(4) Khoản cho ông Đặng Trung Hiếu vay theo hợp đồng vay tiền số 01/HĐVV/KDM-ĐTH ngày 29/12/2023, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 8%/năm, tài sản đảm bảo: 150.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư GCL. Số tiền cho vay tại ngày 31/12/2023 là 1.300.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu về cho vay này không bị suy giảm và cam kết sẽ thu hồi khi đến hạn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.489.186.114	-	11.573.771.816	-
Cộng	4.489.186.114	-	11.573.771.816	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm: Không có.

8. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê văn phòng	91.000.000	2.100.685
Cộng	91.000.000	2.100.685

b. Dài hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng	70.402.085	-
Cộng	70.402.085	-

9. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh trang 30.**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.132.627.272	1.132.627.272
Giảm khác (*)	(1.132.627.272)	(1.132.627.272)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.132.627.272	1.132.627.272
Giảm khác (*)	(1.132.627.272)	(1.132.627.272)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

(*) Là giá trị máy xúc Komatsu PC200-8N1 với nguyên giá 1.132.627.272 VND, đã khấu hao hết. Tài sản không được sử dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Trường Hải Sơn La	363.400.789	363.400.789	75.500.002	75.500.002
Công ty TNHH Thương mại Nhiên liệu Sài Gòn	-	-	2.217.000.000	2.217.000.000
Các đối tượng khác	-	-	1.802.874.869	1.802.874.869
Cộng	363.400.789	363.400.789	4.095.374.871	4.095.374.871

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023
Thuế GTGT đầu ra	-	34.905.929	34.905.929	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.434.615	557.938.589	283.723.707	474.649.497
Thuế thu nhập cá nhân	4.500.000	-	4.500.000	-
Các loại thuế khác	-	88.753.925	88.753.925	-
Cộng	204.934.615	681.598.443	411.883.561	474.649.497

13. Vay và nợ thuê tài chính

Ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (*)	1.736.988.642	1.736.988.642	643.402.799	643.402.799
Cộng	1.736.988.642	1.736.988.642	643.402.799	643.402.799

(*) Đây là khoản giao dịch vay ký quỹ từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng giao dịch ký quỹ số 50573/2022/SHS-GDKQ ký ngày 03/10/2022. Thời hạn vay tối đa 90 ngày kể từ ngày giải ngân. Lãi suất: Theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản ký quỹ trên tài khoản ký quỹ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2023 là 1.736.988.642 VND.

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	71.000.000.000	6.640.835.037	77.640.835.037
Lỗ trong năm	-	(3.257.161.360)	(3.257.161.360)
Số dư tại ngày 31/12/2022	71.000.000.000	3.383.673.677	74.383.673.677
Số dư tại ngày 01/01/2023	71.000.000.000	3.383.673.677	74.383.673.677
Lãi trong năm	-	1.616.553.595	1.616.553.595
Số dư tại ngày 31/12/2023	71.000.000.000	5.000.227.272	76.000.227.272

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Ông Nguyễn Đình Hùng	4,86%	3.452.000.000	7.177.000.000
Các cổ đông khác	95,14%	67.548.000.000	63.823.000.000
Cộng	100,00%	71.000.000.000	71.000.000.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có.

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: Không phát sinh.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	71.000.000.000	71.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	71.000.000.000	71.000.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	71.000.000.000	71.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	7.100.000	7.100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.100.000	7.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.100.000	7.100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.100.000	7.100.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	74.681.632.847	43.966.214.409
Cộng	74.681.632.847	43.966.214.409

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần bán hàng hóa	74.681.632.847	43.966.214.409
Cộng	74.681.632.847	43.966.214.409

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	72.644.299.197	42.425.321.033
Cộng	72.644.299.197	42.425.321.033

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi và cho vay	1.587.841.592	1.428.829.825
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	130.800.000
Lãi bán chứng khoán	242.512.224	-
Cộng	1.830.353.816	1.559.629.825

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	95.916.849	97.328.690
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	15.045.566	17.828.015
Lỗ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh	234.360.881	4.502.602.047
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	45.040.152	460.008.902
Cộng	390.363.448	5.077.767.654
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.834.350	18.081.819
Cộng	17.834.350	18.081.819
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	807.108.600	735.504.100
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.123.146	7.067.728
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	41.327.880
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.951.395	396.086.230
Chi phí khác bằng tiền	103.853.777	6.900.452
Cộng	1.332.036.918	1.189.886.390
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2023	Năm 2022
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.174.492.184	(3.257.161.360)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	198.755.299	200.368.965
Các khoản điều chỉnh tăng	198.755.299	200.368.965
- Chi phí không được trừ	198.755.299	200.368.965
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	2.373.247.483	(3.056.792.395)
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	557.938.589	-
+ Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	474.649.497	-
+ Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	83.289.092	-
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	557.938.589	-

Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của Cơ quan thuế.

VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và nợ phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
VND	+100	161.164.424
VND	-100	(161.164.424)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
VND	+100	227.996.369
VND	-100	(227.996.369)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên sàn HOSE và HNX của Công ty là 2.543.260.000 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 254.326.000 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 254.326.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu về cho vay

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị và cá nhân là các bên liên quan có khả năng tài chính tốt với hạn mức, thời gian cho vay và mục đích vay theo từng kế hoạch cụ thể. Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu về cho vay là thấp.

Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị, cá nhân có khả năng tài chính tốt mà Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Và các khoản phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp tác đầu tư của Công ty bao gồm việc kiểm soát một phần hoạt động của dự án hợp tác đầu tư nên rủi ro là có thể kiểm soát.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1.736.988.642	-	-	1.736.988.642
Phải trả người bán	363.400.789	-	-	363.400.789
Cộng	2.100.389.431	-	-	2.100.389.431
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	643.402.799	-	-	643.402.799
Phải trả người bán	4.095.374.871	-	-	4.095.374.871
Các khoản phải trả, phải nộp khác	629.184.138	-	-	629.184.138
Cộng	5.367.961.808	-	-	5.367.961.808

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản ký quỹ trên tài khoản ký quỹ chứng khoán làm tài sản thế chấp cho các khoản giao dịch vay ký quỹ (Thuyết minh số 13 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty đang nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên thứ ba là quyền sử dụng đất và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư GCL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 để đảm bảo cho các khoản cho vay ngắn hạn của các cá nhân (Thuyết minh số V.6 - Phải thu về cho vay ngắn hạn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: Xem thuyết minh trang 31.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, nợ phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính nào kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư GCL

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC

Công ty Cổ phần Quản lý nợ tài sản và Khai thác nợ Toàn Cầu

Công ty Cổ phần Thép 998

Công ty TNHH MTV Chu Văn Tứ

Ông Lê Tùng

Ông Phan Thanh Dũng

Ông Chu Văn Dũng

Ông Phan Nam Giang

Ông Phan Thanh Hùng

Mối liên hệ

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
Ông Chu Văn Dũng	Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần	8.767.840.000	-
	Chi phí thuê xe	-	24.000.000
Công ty TNHH MTV Chu Văn Tứ	Bán hàng	665.893.800	-
	Đặt cọc mượn kho	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thép 998	Bán hàng	11.574.483.011	15.490.067.728
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	20.000.000.000
	Chi phí thuê văn phòng	45.000.000	180.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
Ông Phan Thanh Dũng	Chi hộ	-	14.000.000.000
Ông Phan Thanh Hùng	Cho vay	-	5.000.000.000
	Lãi cho vay	499.999.999	257.534.246
	Thu tiền lãi cho vay	626.030.000	131.506.849
Công ty Cổ phần Quản lý nợ tài sản và Khai thác nợ Toàn Cầu	Lãi cho vay	-	257.753.000
Công ty Cổ phần Đầu tư GCL	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	20.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Thép 998	Phải thu tiền bán hàng	-	522.201.920
Cộng		-	522.201.920
Phải thu khác		31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC	Phải thu từ hợp tác đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000
	Đặt cọc thuê văn phòng	-	75.000.000
	Phải thu tiền cọc thuê văn phòng	55.500.000	-
Ông Phan Thanh Hùng	Phải thu lãi cho vay	-	126.027.397
Ông Chu Văn Dũng	Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần	8.767.840.000	-
Công ty TNHH MTV Chu Văn Tứ	Đặt cọc mượn kho	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng		33.823.340.000	25.201.027.397
Phải thu về cho vay		31/12/2023	01/01/2023
Ông Phan Thanh Hùng	Phải thu cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng		5.000.000.000	5.000.000.000
Thu nhập và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2023	Năm 2022
Ông Lê Tùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/5/2023)	60.680.000	106.190.000
Ông Nguyễn Thanh Cường	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 13/6/2022)	-	75.650.000
Bà Đỗ Thị Hà	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/6/2022)	-	90.650.000
Ông Phan Nam Giang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/8/2023)	50.920.000	-
Cộng		111.600.000	272.490.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Trong năm, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu bán hàng hóa thương mại tại địa bàn tỉnh Sơn La. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường và liên tục trong tương lai.

.....
Đặng Thị Minh Thúy
Người lập biểu

TP. Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2024

.....
Lê Thị Khánh Hòa
Kế toán trưởng



.....
Phan Nam Giang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

Mã cổ phiếu	Khối lượng	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
HHS	16.508	3.048.023.116	2.661.397.600	(505.049.054)	2.056.458.902
TCH		434.062	118.857.600	-	803.186.944
TLD		-	-	-	694.390.025
SCI	200.200	-	-	-	558.881.933
		3.047.589.054	2.542.540.000	(505.049.054)	318.990.000
Cộng		3.048.023.116	2.661.397.600	(505.049.054)	2.056.458.902
					1.596.450.000
					(460.008.902)
					(136.826.944)
					(83.290.025)
					(239.891.933)

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	350.640.908	4.902.430.000	43.200.000	45.000.000	5.341.270.908
<i>Giảm khác (*)</i>	<i>(350.640.908)</i>	<i>(4.902.430.000)</i>	<i>(43.200.000)</i>	<i>(45.000.000)</i>	<i>(5.341.270.908)</i>
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	350.640.908	4.902.430.000	43.200.000	45.000.000	5.341.270.908
<i>Giảm khác (*)</i>	<i>(350.640.908)</i>	<i>(4.902.430.000)</i>	<i>(43.200.000)</i>	<i>(45.000.000)</i>	<i>(5.341.270.908)</i>
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao, không còn sử dụng: Không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có.

(*) Đây là những tài sản cố định đã khấu hao hết, không hiện hữu được xử lý theo Quyết định số 16/2023/NQ-HĐQT-KDM ngày 26/12/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Chứng khoán kinh doanh	3.048.023.116	(505.049.054)	2.056.458.902	(460.008.902)
Phải thu khách hàng	11.488.522.715	-	5.467.362.144	-
Phải thu về cho vay	16.100.000.000	-	14.800.000.000	-
Phải thu khác	33.858.340.000	-	31.201.027.397	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.337.031	-	8.298.903.495	-
TỔNG CỘNG	64.687.222.862	(505.049.054)	61.823.751.938	(460.008.902)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ thuê tài chính	1.736.988.642	-	643.402.799	-
Phải trả người bán	363.400.789	-	4.095.374.871	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	-	629.184.138	-
TỔNG CỘNG	2.100.389.431	-	5.367.961.808	-